

Vừa rồi, chúng tôi, những người bạn chí thân tôi thì còn đi học ở Việt Nam trước năm 1975, rồi nhau qua Canada thăm mấy ông bạn khác. Chúng tôi đến thành phố Montreal vào mùa hè nên không lạnh lắm. Ở Mỹ hay Canada, nhà cửa, cách sinh hoạt không khác nhau mấy. Và việc đi thăm bạn bè thì cũng chẳng có gì đáng kể ra đây nếu không có một câu chuyện, mà nếu bạn nghe được, chắc cũng sẽ ngạc nhiên, đấy là câu chuyện.

Chuyện hồi dài dòng, xin bạn kiên nhẫn.

Chúng tôi gồm ba cặp vợ chồng, được gia đình người bạn tiếp đón rất thân tình. Ông ta còn gọi các bạn khác ở gần đó, kéo đến, nên buổi họp mặt thật đông vui.

Khi bữa cơm gia đình đã mãn, các bà lo dọn dẹp chén bát đồ pha trà và các ông đang chuyện trò sôi nổi, thì ông bạn chủ nhà đi đến đài: “Có một chuyện thú vị xảy ra ở Việt Nam, khoảng năm 1982. Một chuyện kỳ lạ mà bà chủ tôi vừa là người trong cuộc vừa là nhân chứng. Lúc còn ở Việt Nam, chủ tôi đau kín vì sự kiện tai công an thì sự bất tra hỏi, có thể bắt tù cũng nên. Nay chủ tôi đến xứ tự do, sự thoải mái. Trong câu chuyện, có gì thú vị lắm, xin cả hội chủ tôi”.

Người chủ cửa hàng, đang ngồi với các bà, được yêu cầu kể chuyện. Chủ ta xin phép vài phút để lên lầu, lát sau đi xuống, tay cầm một phong bì đựng tờ giấy và một đũa. Mọi người yên lặng, lắng nghe.

- Gia đình tôi, sau bảy năm (1975), chủ còn đàn bà vì đàn ông đau vô tù cải tạo ở quê. Khoảng năm tám mươi (1980), chúng tôi được một biên phòng về phía chủ ít nhất một người đàn ông đi tù cải tạo về mới quy định như được. Năm đó, cụ em tôi được thả về, chúng tôi báo cho người thân chủ, họ báo, có một chuyện, phải đi ngay. Từ Sài Gòn chúng tôi đón xe về Cà Mau để thăm chủ. Thăm chủ thì thấy như ăn cơm ở chủ là cái gì. Dân địa phương thấy người lạ từ Sài Gòn về ăn cơm thì biết ngay, như người bắt là công viên của công an. Thế nên, ai cũng chủ đến màn thứ hai là khuya nay, công an sẽ phải bắt bắt để tóm gọn quý vị quan khách này. Trò này xảy ra thấy như xuyên, như người không biết rằng về về biên giới là do chính công an địa phương đưa ra để chủ, nên tôi đó quý vị công an với các viên chức xã phường có nhiệm vụ phải nắm rõ cho thật say, để sáng ra, ai cũng không biết gì cả!

Khuya đó, chúng tôi bắt gặp một cặp vợ chồng lên đường. Từ nhà ra bên chủ vài cây số. Trời quá tối. Chúng tôi âm thầm theo người trong một, đi vòng vèo trên các con đường đất. Trong bóng đêm tối đen, thấy thoáng, bên đường lại có một toán chui ra nháp bạn, tôi đoán, cả đoàn chúng tôi, ít ra cũng hơn trăm người. Mặc dù đã được dặn trước là khi xuống thuyền phải tuyệt đối yên lặng và trật tự, không được chen lấn cãi cọ, nhưng khi thấy mấy chiếc xích xi (thuyền nhỏ địa phương), người ta ủa nhau lại xuống nước, tranh nhau leo lên thuyền. Cụ em tôi đi trước, tay bắt hai đứa con, và nó nắm lấy tay đi sau, tôi nắm áo cô ta để khỏi lạc nhau. Chủ bắt đó toàn sinh, người đi đến gặp ai này thì bồm bồm mà chủ đưa thuyền. Cụ em tôi phải kéo hai người đàn bà chúng tôi phía sau nên càng xuống nước, chủ chủ. Mọi người như như bóng ma âm thầm, chen nhau leo lên thuyền.

Khi cụ em tôi bắt được hai đứa con lên thuyền, thấy được và nó lên, đến lúc tôi thì bắt có tiếng súng, tiếng la hét:

- Tất cả đứng yên! Đưa hai tay lên. Ai bỏ chày sẽ bỏ bần.

Tôi thấy ánh đèn pin loang loáng cách chỗ chúng tôi vài trăm thước. Chỗ thuyên với dây thuyên ra. Cậu em tôi chộp lấy dây thuyên, ngó lên và còn đứng im. Tôi và khoét vài chỗ còi ngó đi đành đứng nhìn mấy chiếc thuyên lặn vào bóng tối, mà đến ngoài biển khơi. Lúc đó tiếng súng và tiếng hô hoán “Đứng yên! Bỏ chày bỏ bần” càng nghe gần hơn khi nhìn thấy tiếng chày ngó về phía bần. Như đã đoán trước:

- Khi bỏ bần, phải chày tránh xa ánh đèn của công an, trốn cho kín, chày vài hôm, yên tĩnh mới tìm cách ra bờ đón xe về.

Vậy là mọi người chày. Tôi bỗng đứng lên bần, chày ngó về khoét tiếng súng. Về chày về a run, miệng niệm: “Nam Mô Đấng Tối Đại Bi Cứu Khổ Cứu Nạn Quàng Đấng Linh Cảm Quan Thế Âm Bồ Tát”. Cậu nhòm một, nhòm mười chày đứng, vấp mô đất hay gõ cây té xuống thì vùng dậy chày tiếp. Lúc đứng hình như có người cùng chày với tôi, quay lại thì không thấy ai cả! Tôi chày đến nửa tiếng, thấy đã xa, về hoàn hồn thì hai chân rã rời, nhức không lên. Tôi ngó đi xuống đất, thấy đất. Lúc đó khoét một giây sáng. Tôi nhìn quanh. Một bên là biển đen sì, rì rào tiếng sóng, một bên là bờ rừng, với hàng cây là khoét khi đen, cao hơn đứng ngó, trông như khoét con ác thú đang chờ mồi. Tôi đoán, có lẽ công an rình bắt một vài vớt biên khác, cách chúng tôi vài ba trăm mét, chỗ thuyên đứng ngó bần, nên bỏ chày, vì thấy mọi người mới chày thoát.

Từ lúc lên xe ở Sài Gòn đến khi về Cà Mau, tôi hoàn toàn không biết mình đang ở đâu? Bây giờ ngó lại về giờ đứng không mong quên, chung quanh tối mù, tôi thấy mình sẽ làm gì, hay phải ngó như thế này cho đến sáng? Lúc này, chày, ngó toát mồ hôi, bây giờ, gió biển thổi vào, tôi lạnh run cầm cập. Tôi thấy công an đến bắt mình, có người cùng bỏ bần với nhau cũng yên tâm, rồi sau đó muộn ra sao thì ra! Cái xách như trên vai tôi vẫn còn. Tôi tìm chai nước uống, uống mấy ngụm. Trong xách có vài chai nước uống, mấy viên thuốc say sóng, mấy hộp sữa đặc, cái khăn ướt, một mớ đồ lặt vặt cùng quyển kinh Phật. Không hiểu sao, trong lúc hoảng loạn mà tôi còn giữ được cái xách?

Đang ngó rõ ràng, bỗng nhiên, tôi thấy xa, có ánh đèn chớp thoáng, có lẽ là đèn dầu hôi, lo ngại thấy thấy thôn quê, cách tôi hơn một cây số. Tôi mừng rỡ, quên cả một, đứng lên, nhòm ánh đèn mà đi. Tôi đi như chày, té lên, té xuống, mà không thấy đau, cậu nhòm ánh đèn bỗng ngó lại, vì sợ ngó lại ta thấy đèn thì không biết làm sao tìm đến. Đến nửa giờ sau, tôi đến nơi. Đó là một nhà lá, cửa mở, một cây đèn bão (loại đèn đi trong gió mà không sợ tắt), đặt trên một chiếc ghế nhỏ, đặt ngay trước cửa, như vậy mà tôi hoảng bên trái ngôi nhà, tôi vẫn thấy được.

Khi đến trước cửa, tôi kêu lên:

- Có ai trong nhà không? Cho tôi vào với.

Có tiếng đàn ông nói:

- Vào đi! Đứng sẵn!

Khi bước vào cửa tôi mới nhận ra là có một người đàn ông đang ngồi hút thuốc, cậu nhòm cái

bàn để giữa nhà. Ngay khi đàn ông đứng lên, ra đem cây đèn bão và chiếu ghế vào. Nghe tiếng lộp lộp, với cách dùng chữ, tôi đoán ông ta là người Bắc giới giữa Nam. Tôi bước vào nhà. Nhà không rộng lắm nhưng đặt ba chiếc ghế, có trên chiếu tuấn mĩ. Ông ta chỉ chiếu ghế:

- Ngay đây đi!

Tôi nói cảm ơn, vì áo quần dính sình, không dám ngồi, sợ dơ ghế. Ông ta bỏ o, giữa bình thường như vì chuyện đã từng xảy ra như uẩn:

- Thì đi tuấn đi! Tôi có sẵn áo quần của bà xã tôi, thay tuấn. Áo quần bạn thì giặt đi, phơi ra ngoài gió, sáng mai khô ngay, thay trả lại cho tôi, rồi tôi sẽ đưa ra bạn xe, đón xe về Sài Gòn.

Nghe nói sáng mai đón xe về Sài Gòn, tôi mừng quính, không ngờ mình may mắn gặp được chuyện tình. Tôi thấy có cảm tình với người đàn ông tuấn đó, dường như nói lời cảm ơn, nhưng nhìn thấy hai con mắt của ông ta, tôi rừng mình khiếp sợ. Ông ta khoanh năm默默, đáng người tuấn mĩ, mặt sạm nâu, hai gò má cao, tóc ngắn, chân tay gân guốc... nghĩa là ông ta đúng là một nông dân, chỉ đôi mắt là không khiếp. Tuy đèn dầu tù mù nhưng đôi mắt vẫn ánh lên những tia sáng như lửa, và a uy quy, tàn như và a như giữa uẩn. Tôi sợ quá, cảm thấy như mình là con chuột đã bị con mèo chụp được trong móng vuốt nhưng vẫn giữ lấy chỗ con mồi chỉ khiếp mồi tuấn thủng thủng. Thấy tôi đứng bất động vì sợ, ông ta cười, giữa dẫu dàng nhưng vẫn uy quy, như ra như:

- Tôi không hại cô đâu. Cô đứng sợ. Tôi nghe tiếng súng nổ là biết ngay vị trí biên giới nênthrop đèn lên để ai chiếu thoát thì đến đây tá túc, sáng mai tôi lấy thuyền đưa ra bạn xe về nhà. Tôi đã cứu hàng mấy trăm người rồi. Ai cũng về nhà an toàn. Đừng sợ. Để tôi lấy áo quần cho cô thay tuấn. Hôm nay về tôi ra chỉ thăm đưa con gái, sáng mai, tôi đưa đi, nhân tiện đón về tôi về. Đối bạn thì có cảm ngại trong nỗi với con cá khô trong bếp, lấy ra mà ăn.

Ông ta nói như như, tuấn như nhưng tôi vẫn sợ, răm rắp theo như. Ông ta vào buồng đem ra một bộ quần áo bà màu đen, trao cho tôi rồithrop mặt cây đèn chiếu, chỉ lại đi ra sau chái nhà:

- Có cái phòng tuấn sau kia. Sẵn nước với khăn lau. Tuấn xong, mặt tuấn, còn bộ quần áo bạn thì giặt đi, phơi lên, sáng mai khô, mặt vào, trả lại bộ quần áo cho về tôi.

Tôi riu riu cảm áo quần và cây đèn chiếu, ra nhà sau, vào phòng tuấn, đóng cửa lại, gần cây đèn sắp lên bộ, xây dựng về phía đèn, chỉ đưa ra, dãi nước. Tôi làm một cách vô thức, như bối thối miên bối chấp mặt của ông ta, tôi đoán, đang nhìn tôi qua khe hở cửa vách phòng. Tôi tuấn qua loa, mặt áo quần vào. Còn nửa thùng nước, tôi đưa ra cái thau như sẵn đó, vò bộ quần áo dính sình rồi treo lên mặt sợi dây kềm trong phòng tuấn. Khi tôi lên nhà trên thì ông ta chỉ cái ghế, có giảng sẵn mừng:

- Cô ngồi trên ghế giữa này. Tôi ngồi trong phòng. Ngồi đi cho khỏe, đừng sợ mà thao thức. Mai đi sớm.

Tôi nói:

- D. Cám ơn! Rồi chui vô mừng. Ông ta tắt đèn, đi vào buồng.

Tôi nằm trên giường, mắt mở thao láo, không dám ngủ. Có chỉc mơn mng, tôi lấy quăn chít quanh ngườirởinằmlơng nghe, không biết chuyện gì xảy ra? Tôi chỉ mong đợc ông ta tắt ch thu hất sđôla và vàng tôi mang theo rồi tha cho tôi về nhà. Tôi cảm nhảm nhảm Quán Thế Âm, cầu Phật Bà cầu khư cầu nư. Trong đêm tối, tắt cđimlơng, chỉ có tiếng sóng biển rừ rừ m nghe như tiếng xe chừy rừt xa. Bờygiờ tôi mớithờy ngườirã rồi, vớamớivớađầu ê m khờp nớ, nhứt là nhợng chớ bớ mô đợt hay gớ c cây đợp mớ nh vào khi tôi chừy bớ ngắ. Suy nghĩ miên man, tôi chìm vào giấc ngủ lúc nào không hay.

Khi tôi tỉnh dậy thì trời đã sáng. Vớa xờp mừng, mớ nong thì ông ta tắt trong buồng bớ c ra.

- Ngợ có đợc không?

- D. Đi mớ t quá nên ngợ say mớ t giấc đợ n sáng.

Tôi nói mà không dám nhìn ông ta, sớ thờy đôi mớ t kinh khiờp đó.

- Cô thay đợ rồi chúng ta đi ngay. Tôi chỉ cô ra bớ n xe ngoài chớ, hớ sớ đợa cô lên bớ n xe tờ nh, đón xe về Sài Gòn. Cô viớ t vào miợng giớ y trên bàn kia, tên hớ đợa chớ cớa cô. Tôi cớ n biớ t về cô đợ sau nớ y đợ xác nhớ n.

Tôi ra sau nhà, thay đợ, đem bớ đợ cớa về ông ta đợ trên giường, đợ n chớ cái bàn, viớ t tên hớ, đợa chớ vào miợng giớ y. Ông ta chỉ cái xách nhớ cớa tôi “Đợ ng quên cái xách tay”. Tôi thờy quyế n kinh cớa tôi đợ ra ngoài nhợ ng không dám lơy bớ vào xách, mà làm nhợ không thờy, chỉ vớ vớ i cái xách, cớ m đi theo ông ta. Ra ngoài sân, tôi mớ i biớ t, trớ c nhà là mớ t con sông rừ t rờng, có lờ là cớa sông, còn biớ n thì nớ m bên trái căn nhà, cách mớ t cây sớ. Nhà ông ta nớ m giớa mớ t vùng hoàn toàn hoang vớ ng, chung quanh là sinh lơy vớ i cây đợ c, vớ t, sớ gì đó mớ c mênh mông, chừy đợ n mút mớ t. Tôi không hiớ u vì sao vớ chớ ng ông ta lờ i đem nhau ra đợ chớ nớ y? Không ruợ ng vớ n, không thuyế n bè đánh cá, không có ngườ i chung quanh, ngay đợ n con chim cũng không thờy bay qua. Có chắng là mớ y con cua còng gì đó nớ m trên mớ t sinh đợ ng mớ t nhìn tôi. Con đợ ng tờ nhà ra bớ n sông đợ c đợp cao, có lờ là lờ i duy nhứt đợa ông ta ra chỉc thuyế n, đợ n vớ i xã hớ i loài ngườ i.

Ông ta xuợ ng thuyế n, tôi bớ c theo. Nhớ mớ y miợng bê tông làm thành tam cớ p nên tôi xuợ ng thuyế n không khó khăn lờ m. Chỉc thuyế n nhớ, dài khoợ ng sáu, bớ y mét, rờ ng hớ n hai mét, gớ n máy đuôi tôm. Ông ta tháo dây cớ t thuyế n, giớ t máy, đợa thuyế n ra giớa giòng sông.

Chỉc thuyế n chừy giớa hai bớ rờ ng vớ ng vớ, hoang vu. Mớ t lúc thớ t lâu thì xa xa thớ p thoáng mớ y mái nhà sau hàng đợa nớ c, rờ i vài chỉc thuyế n xuớ t hiớ n, chừy ngườ c chỉu. Thuyế n ghé vào mớ t bớ n đờ, có nhà cớa, quán ăn, mớ t chớ thôn quê nhớ và mớ t bớ n xe lam (xe Lambretta, ba bánh dùng chớ khách). Ông ta cớ t chuyế n, ra đợu cho tôi cùng lên bớ. Mớ i ngườ i thờy ông ta thì cúi đợu chào vớ kính cớ n và sớ hải. Ông ta không thèm nhìn ai, đi thờ ng đợ n chỉc xe lam, nói gì đợy vớ i ngườ i chớ xe. Ngườ i chớ xe khúm núm gớ t đợu, miợng đợ nhớ p, rờ i đợ n nói vớ i tôi:

- Mớ i cô lên xe. Xe chừy ngay bây giờ.

Ông ân nhân không để ý đến lời cảm ơn của tôi, cũng không nói với ai tên ông nào, xuống thuyền, giặt máy, quay thuyền ra giữa dòng. Khi ngồi trong xe lam, tôi thấy mọi người đang tò mò nhìn tôi với vẻ sợ hãi rồi thì thầm với nhau gì đó. Ông xe lam nọ máy, chở một mình tôi, vòng vào trên đường đất trong xóm rồi đưa xe ra đường lớn, chuyển vào thành phố. Ông ta chuyển thuyền đến bến xe khách, ngừng cạnh một xe buýt khách, mời tôi xuống, đưa tôi đến ông tài xế, thì thầm với ông ta. Ông tài xế mời tôi lên ngồi ghế trước. Tôi lúc trong xách nhai, thấy gói đồ la và vàng còn nguyên, lấy ra một miếng tiền Việt đưa trả cho hai người, nhìn người ai cũng khoát tay.

- Anh Năm đến rồi là anh sẽ trả tiền xe cho cô, chúng tôi đâu dám nhận.

Chiều hôm đó, tôi về đến nhà. Khoảng một tháng sau, người tôi chắc đến gặp tôi, báo tin là mọi người đến để an toàn, thân nhân sẽ gặp tôi sau. Ông ta hỏi tôi rồi thì mới về với những người không kịp lên thuyền, tôi không biết sự việc. Ông ta báo những người kia đã bị công an bắt, chuyển hai gia đình, gặp một người, không có tin tức. Hai gia đình này thì tôi biết, họ là thành gia xuất nhập cộng đồng bị lừa, rồi giàu. Trước khi đi, họ đã bán nhà, vì tin chắc sẽ đi, họ về, họ ôm của cải theo (vàng và đồ la), phải nhìn họ.

Chuyến vượt biên lần đó khiến tôi sợ quá, không dám nghĩ đến, ai rồi đi cũng lúc đó.

Khoảng một năm sau, tôi nhận được một lá thư, tên người gửi là Hoàng. Tôi hoàn toàn không biết ai đã gửi đến - Chắc là của lá thư đưa lên - Một năm sau, chúng tôi đi tù. Chúng tôi qua Mỹ theo diện HO. Về chúng tôi qua Canada để chờ với gia đình của em. Gần mười năm mà tôi vẫn còn giữ lá thư này. Đó tôi để cho quý vị nghe:

“Gửi bà H. (là tên tôi). Bà còn nhớ, lần vượt biên ở Cà Mau, bà và bà đưa tôi cho trả qua đêm, hôm sau đưa ra bến xe, về thành phố Hồ Chí Minh. Tôi biết bà thật tốt. Tôi là ai? Tôi sao lại bị lừa vượt biên? Tôi sinh sống bằng cách nào?”

Tôi cho bà rõ. Tôi là công an, có nhiệm vụ bắt đó để đón lỏng những người vượt biên bắt buộc phải thoát được. Công an chúng tôi làm nhà cách nhau một vài cây số, để bắt biên, rồi thì công có bắt bắt vượt biên, có thuyền con đón ra thuyền lớn. Nhưng về, khi công an đến bắt vượt biên, người nào chuyển thoát cũng chỉ quanh quẩn đâu đây, thấy đèn là tìm đến, thấy là nộp mạng cho chúng tôi. Tôi báo rằng có vẻ chung những thứ ra, với con tôi đưa ngoài Bắc, tôi vào đây công tác đã được bốn năm, khi nào nên đến nhà sẽ đưa gia đình vào thành phố Hồ Chí Minh, vì chúng ai có thể bị lừa hoang vắng này.

Mọi công an chúng tôi đã chuồn bỏ sự các tên nghi, nọc nội, lòng thọc, giặt quần áo để đón những người vượt biên tìm đến nhà của giúp. Tôi cho ăn uống, ngủ nghỉ, sáng hôm sau, cho họ xuống thuyền, nói là chuyển ra bến xe để họ về nhà, những kẻ thọc, thuyền đi đến cửa đường là bắt công an chặn bắt. Tôi cũng bắt bắt để không ai nghi ngờ.

Thông thường, nếu người vượt biên tìm đến thì tôi báo họ, có gì đem theo nên kê rõ, họ là tên bắt, quý kim, để tránh chuyển lấy cướp của nhau. Nếu chỉ một người thì tôi chỉ lúc người đó đi tìm sự lúc xách tay, kiểm tra những gì đem theo. Tôi còn nhìn nhìn lúc họ đi tìm, cái để ra, sự thấy những gì họ nhìn theo người?

Tôi không bao giờ lấy của ai bất cứ gì, nên khi gặp giao hảo (đưa lên thuyền để bọn công an chặn bắt), công an chấp pháp lấy tôi khai, sự thật rằng tôi rớt trong sông. Tôi từng đến công an tìm nhả và trung ương bị u dưng nhữ u l n v thành tích ch n b t ng i v t biên cũng nh tình th n chí công vô tư, không t hạo đ n c a c i, v t ch t c a ng i b b t. Nh ng không ai biết rằng, h ng i nào đem nhữ u đô la, vàng ng c, h t toàn là tôi th tiêu, chôn xác trong r ng. Tôi đào s n nh ng cái h , mu n gi t ai, khuya đó, tôi l n súng trong ng i, b o h đi theo tôi để tôi ch đ ng mà đi ra đ ng chính đón xe v . Vào r ng, tôi b n ch t, đ p xu ng h , hôm sau ra l p đ t i. Không ng i nào thoát khỏi tay tôi, vì chung quanh toàn sinh i y, có b ch y m t quãng là ng p ng i d i sinh, tôi ch r i đèn pin, đi tìm và b n h r t d dàng.

Tôi có nói bao nhiêu ng i b tôi th tiêu v i bà cũng ch làm bà kinh hoàng ch ch ng ích l i gì. T t c c a c i c p đ c, tôi đ a cho v tôi đem v quê chôn gi u. H t toàn, đô la, vàng ng c, châu báu... Nghĩa là v ch ng tôi r t giàu. V tôi b o, có th b v n l p nh ng công ty, mua máy móc đ s n xu t hàng hóa xu t kh u ho c mua nhà c a Hà N i hay thành ph H Chí Minh cũng không h t c a. Dĩ nhiên gia đình tôi ngoài B c v n s ng đ m b c nh bao nhiêu ng i khác, đ tránh b nghi ng .

Tôi d đ nh s làm thêm vài năm, ki m m t s ti n vàng n a r i xin ra khỏi ngành. Tính ra, tôi đ đó đã đ c b n năm, cho đ n cái đêm bà tìm đ n n p m ng cho tôi. Nh m i khi, lúc bà đi t m, tôi rình xem bà c i đ (đ bi t c a c i l n theo ng i) r i lên ki m tra xách tay c a bà. Tôi th y trong xách có nhữ u vàng và đô la. Nh v y, s ph n c a bà đã đ c tôi quy t đ nh. Bà s b tôi th tiêu. Trong lúc l c xét xách tay tôi th y có m t quy n kinh, kh l n h n nh ng quy n kinh khác, mà nh ng ng i v t biên khác th ng đem theo. Quy n kinh l n đó khi n tôi tò mò. Theo thông l , t t c kinh Ph t c a nh ng ng i v t biên, tôi gi l i, khi nào lên t nh, tôi t ng cho ng i b n đang tr trì m t ngôi chùa l n, g n ch . Anh ta là công an, đi tu là công tác, v n lãnh l ng công an. Tôi t ng các quy n kinh Ph t cho chùa để ai đ n l chùa mà “th nh” nh ng kinh đó thì bi t ngay, ng i đó s v t biên và chúng tôi theo dõi. Vì tò mò và vì nghi p v , tôi m quy n kinh c a bà ra, đ sát ng n đèn cho đ đ c. Tôi đ c m t cách tình c , m t câu kinh n m ngay gi a trang kinh. Ch m t câu thôi. Câu duy nh t đó khi n tôi l nh toát ng i vì kinh s . Tôi s đ n choáng váng, mu n té x u, đ n đ ng i ch t l ng m t lúc th t lâu. T i đó, tôi không ng đ c .

Hi n nay tôi đã ra khỏi ngành công an. Tôi đã đi tu m t vùng núi mi n Tây Nguyên, r t h o lánh, xa h n ph ph ng, làng xóm. Ngôi chùa nh đ c c t bên góc núi. R t xa, d i chân núi, cách n i tôi , th p thoáng nh ng nhà sàn c a nh ng ng i thu c s c t c thi u s . M i bu i sáng, tôi l y Ph t, t ng kinh, r i lên đ i cu c đ t, tr ng khoai s n, rau qu . Bu i t i tôi l i t ng kinh và suy ng m l i Ph t đ y. Tôi b o v i v tôi là tôi làm nh m v trên giao, không nên g p nhau nhữ u, th nh tho ng lên ti p t l ng th c mà thôi. C a c i mà tôi ki m đ c (v tôi đang gi), tôi đ n, nên trích ra m t ph n, khi nào có thiên tai bão l t thì đem c u giúp ng i ho n n n, giúp bà con, b n bè khi h c n, giúp các ng i già lão, b nh t t, không n i n ng t a, giúp các tr i m côi, các tr i cùi h i...

Tôi vi t đ bà rõ, nay tôi đã ch n con đ ng khác. Tôi ch mu n bi n m t trên th gian, nh ng còn các con tôi? Chúng là ngu n s ng c a tôi. Tôi lo s cho chúng...

N u bà là m t Ph t t , xin bà đ n chùa, cùng góp l i c u xin Ph t T cho tôi s m tìm đ c con

Chúc bà suc khoe”.

- Thở chớ viếng thỏ thối.

- Ch^ị có nh^ư mình mang theo quy^{ền} n^g kinh Ph^{ật} tên gì không?

- Đúng ra, lúc nào tôi cũng đi sỏn quyẻn kinh “Quán Thỏ Âm Bỏ Tát”

Trong buổi chúng tôi, chúng ai là đến nhà Phật mới đầu, thì nh tho ng có đi chùa l y Ph t, t ng kinh trong nh ng ngày l , t t. Chúng tôi h i nhau r i phán đoán đ th . Câu “buông đao thành Ph t” quá t m th ng, chúng làm ai đ ng tâm. Muốn bi t bí m t c a câu kinh đó, ch còn cách đi h i các nhà s thì h a may.

Vì bài câu chuyện trên âm thanh, nên trên đường đi Canada với tôi miễn Đông Bắc nước Mỹ, chúng tôi quyết định, ghé vào một ngôi chùa của số PT để thăm và hỏi cho ra lẽ. Số trước tuổi chúng tôi, là chưa quen biết nên rất thân tình. Số PT xuất gia từ lúc mới đi tu ở chùa Di Đà ở Huế. Với tôi biên qua Mỹ, số học và tất nghiệp phẩm sĩ Phật học. Tuy còn trẻ, nhưng số PT thông hiểu Phật pháp và có một cuộc sống rất đạo hạnh.

Trưa hôm đó, chúng tôi đứng cõn khoỏn đỏi cõm chay. Trong lúc thõ trai, chúng tôi kõ lĩi câu chuyõn trẽn cho sũ nghe và hĩi sũ có biĩt câu kinh nào đĩ khiõn mĩt ngũĩ i vũ thũn phũi buõng đao gĩĩt ngũĩ i và đi tu không? Nhà sũ suy nghĩ mĩt lúc và nói:

- Nếu lý luận theo Phật pháp thuôn tủy thì đây thì không thích hợp với mặt người và cảnh sống. Họ đã dùng dẫy cãm thù và dùng huân luyện cách giết người, nên dù có cảnh mặt bày quở dể tể dĩa người chui lên, hay hàng nghìn Đức Phật hiện ra thuyết pháp, chừa chừa ông công an nỡ phỉ sàm mà người ngậy tay. Ông ta chừa thù hận gì như người và tất biên, như người giết heo, giết bò. Mục đích là để có nhiều tiền của cho con cái dùng sung sướng. Các bậc cảnh sống thì không bỏ nhau: “Hi sinh đời bố, cũng cần đời con” là thế. Kinh Phật chỉ nói về cái nghiệp và cái quả. Ai làm nấy chịu. Như người và Việt mình lại có câu “Đời cha ăn mặn, đời con khát nước”. Cha mẹ thì không con cháu thì ăn nhân đức, đời

phật cho chúng. Con cháu, như n đó mà thôi phụng các vị Phật cách thành tâm. Đó là “Đồ Ông Bà”. Ông công an chúng sống n thì làm người l, nên ông ta b ám nh b vì ác của mình, “quá báo nhân tìn”, con cháu sống lãnh đ. Có thể, con cái ông ta b đâm chém hay b giết chóc sao đó, khi n ông ta nghĩ rằng “Mình giết người ta thì con mình b người ta giết” nên ông ta sống. “Nhưng Phật đâu có dạy về chuyện qu báo cho đ con cháu mà ông ta, khi đ c Phật câu nào đó trong kinh Phật l sống hẳn đ n n i ph i b ngh , đi tu?”

“Đa số những người về Phật biên đ đưa đem theo người là kinh A Di Đà hoặc Bồ đề Y Th n Chú, coi như có Th n Phật h trì bên c nh. Khi gặp chuyện hiểm nguy thì niệm “Nam Mô Đ i T Đ i Bi Qu ng Đ i Linh C m Quan Th Âm B Tát” ch đ c t i đ c lui câu đó thôi, coi như tiếng kêu cứu, các vị Bồ Tát sống ra tay giúp, giúp cho tai qua nạn khỏi. Nhưng quy n kinh mà ông ta t ch thu, không như thế đ đưa gi ng nhau. Có thể người đàn bà kia đã mang Phật quy n kinh khác. Hơn nữa Phật n i hoàn toàn vắng, không có gì gì trí ngoài vì đ c các quy n kinh Phật, qu thế, ông ta đang b c v h ng c a gi i thoát. Chính cái ý niệm muốn gi i thoát khi n ông ta b ngh , và câu kinh Phật kia ch nh v t xúc tác, nh cái nút đ n mà ông ta đang mò m m trong bóng tối, đã b t sáng, cho ông ta thấy đ c con đ ng ph i đi. Mọi người là Phật ch a thành là v y. Con người dù đ c ác, mê muội đ n đâu, cũng còn le lói Phật chút ánh sáng của ng tri. Đúng ra, ph i gi ông ta là “ông đồ” ch không ph i là “ông sống”. Vì ngoài vì c nghiên cứu, t ng niệm kinh Phật, sống, sống ph i có thấy gi ng gi i, h ng đ n trên đ ng tu t p. “Gi đ nh ông công an đó đ n xin thọ giáo với thầy. Thầy sống gi ng nh ng gì cho Phật người vô th n nh ông ta hiểu về Phật pháp?”.

Nhà sống c i:

- Thoát đ c “tham, sân, si” là t gi i thoát r i.

Chính tôi ph i h c ông ta, làm cách nào đã b đ c ch “tham”? Ch “tham” đ n gi n, th ng tình thôi, không c n ph i triết lý xa v i. Tìn c a vô tay đ i dào, đ dàng nh v y mà l i b h t, m y ai làm đ c?

Còn hai ch “sân, si”, b n thân tôi nh đang n m trong cái r , không biết bao giờ mới thoát ra! Ông ta là thầy tôi mới đúng.

- Thầy có thể đoán đ c câu kinh nào n m trong quy n kinh nào, đã khi n ông ta ph i sống mà đi tu không?

Nhà sống l c đ u:

- Ch riêng ông ta biết đ c mà thôi. Có thể ch Phật câu tình c , bình th ng nào đó ông ta đ c đ c nh ng gi i thích đúng nh ng bản khoản, th c m c, sống hẳn b y lâu c a ông ta, nó đánh đ ng l ng tâm ông ta, h ng đ n ông ta tìm con đ ng gi i thoát. X a kia, l c t Hu n ng ch nghe Phật câu trong kinh Kim Cang l n ng đ c đ o.

- Nhưng như thế nh ph i có Phật câu kinh nào đó. Thầy thì nh xem sao?

Nhà sống l c đ u:

- Bồ h i thành linh, tôi không nh ra ngay. Hay là th n y. Bây giờ mới quý v ra v n sau chùa

uống trà, ngắm hoa. Tôi xin được ít phút tập trung tập thiền, hãy may mắn nhé được đi u gì chẳng? Mục đích không phải tìm hiểu mà chỉ chơi trò chuyện cho vui vầy thôi. Tôi không trình bày gì thích câu chuyện kể này.

Nhà sư lên chánh điện. Chúng tôi ra sau chùa, vừa chuyện trò vừa lang thang ngắm hoa cảnh.

Có tiếng chuông ngân vang từ chánh điện, rồi tiếng yên lặng. Có lẽ nhà sư đang niệm Phật và trầm tư...

Đột ngột giờ sau, nhà sư xuất hiện ở góc góc của vòm cửa. Sư tiến đến, ngắm nhìn chúng tôi một bàn nhai đồ ăn ngon. Chúng tôi vui hỉ:

- Tìm được câu kinh nào chưa thầy?

Sư lắc đầu và cười:

- Kinh Phật chúng ta có câu nào hăm dọa người ta, bắt người ta phải đi tu không! Đừng nói về cái nghiệp báo thì kinh Tăng Kỳ Sám Pháp có nói nhiều, nhưng tôi chỉ nhớ chính xác được vài câu ở các quyển kinh khác, chúng ta, trong kinh Đệ Nhị Bà Đề Ma (Devadatta-sutta) có câu:

“Nhưng vì ác mà người đã phạm, không phải là tội cha người, không phải tội mẹ người, không phải tội thầy, chỉ người. Chính mình mình người đã phạm, và mình mình người phải chịu quả báo”.

Trong kinh Pháp Cú (Dhammapadam) cũng có câu:

“Đuổi người người chỉ lên trời cao, nên đừng bị sâu, trốn trong núi thẳm, không có nơi nào mà người tránh khỏi cái quả ghê gớm về tội ác của người”...

Nói xong nhà sư lại cười.

- Rồi thì sao, vì sao vô minh của tôi mà câu kinh đó vẫn còn là một bí ẩn. Xin lỗi đã làm quý vị thất vọng. Theo tôi nghĩ, sự thất vọng của ông ta quá thành công, đã cảm động đến đức Phật, và Ngài đã ra tay chỉ dẫn, đã khai ngộ cho ông ta.

Nhưng phải là người thật thành công thì đức Phật mới làm được việc đó.

© Ph&#m Thành Châu